TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HOÀ** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2017/DS-ST
Ngày 06/ 6 /2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn Vinh
Các hội thẩm nhân dân: Ông; Nguyễn Thành Loan
Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Nghiêm - KSV

Ngày 06 tháng 6 năm 2017. Tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 55/2016/TLST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2016 Hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: Số: 25a/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2017của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K: sinh năm 1953 có mặt
Địa chỉ; thôn T, xã Đ, huyện H , tỉnh Bắc Giang.
- Bị Đơn: Anh Hoàng Văn N sinh năm 1979 vắng mặt
Địa chỉ; thôn T K, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1956 ủy quyền cho ông Kh có mặt
Địa chỉ; thôn T, xã Đ, huyện H , tỉnh Bắc Giang.
Chị Nguyễn Thị Y sinh năm 1986 vắng mặt
Địa chỉ; thôn T K, xã Đ , huyện H , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn K trình bầy; do anh Hoàng Văn N và anh Nguyễn Quý H cùng học lái xe cho nên anh H và anh N có chung nhau mua xe ô tô để làm ăn việc thống nhất giữa anh H và anh Ng như thế nào ông không biết. Khi mua xe anh N thiếu tiền cho nên có vay tiền của ông nhiều lần các lần vay cụ thể ông không nhớ nhưng ông và anh N đã thanh toán với nhau ngày 20/7/2014 anh N còn nợ ông tổng cả gốc và lãi là 113.500.000đ hai bên thỏa thuận đến ngày 30/12/2014 anh

N trả ông số tiền trên và thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng. Sau khi thỏa thuận xong hai bên có viết giấy biên nhận đề ngày 20/7/2014 giấy biên nhận là do anh N viết và ký phần người vay. Đến ngày 30/12/2014 anh N không trả được vì vậy ông yêu cầu anh N phải trả ông 113.500.000đ và lãi suất 1%/ tháng tính từ 30/12/2014 cho đến nay. Tại phiên tòa ông khai anh N vay ông 95.000.000đ ngày 18/5/2013 lãi xuất 2%/ tháng do anh N không trả được cho nên đến ngày 20/7/2014 viết giấy biên nhận 113.500.000đ trong đó gốc 95.000.000đ và lãi 18.500.000đ nay ông rút một phần yêu cầu và theo thỏa thuận ngày 20/7/2014. Nay ông chỉ yêu cầu anh N trả ông 109.960.000đ và lãi từ ngày 05/7/2016 cho đến nay là 12.000.000đ. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai tại Tòa án anh trình bầy anh và anh H có quen nhau cho nên anh có cùng với anh H chung nhau mua xe ô tô giá 340.000.000đ anh và anh H mỗi người 170.000.000đ do anh không có tiền cho nên anh có vay của ông K nhiều lần các lần cụ thể không nhớ rõ nhưng đến ngày 20/7/2014 anh và ông Kh thanh toán với nhau gốc và lãi anh còn nợ ông K 113.500.000đ trong đó gốc 70.000.000đ còn lãi.sau khi thanh toán xong anh không có tiền trả cho nên anh có hẹn ông K đến ngày 30/12/2014 trả ông K số tiền trên. Sau khi thống nhất với nhau hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 20/7/2014 giấy đó do anh viết và ký phần người vay. Nay anh xác định có nợ ông K 113.500.000đ trong đo gốc 70.000.000đ gốc và còn là lãi hai bên thỏa thuận. Nay ông K yêu cầu anh trả anh chỉ đồng ý trả ông K 70.000.000đ gốc và chỉ đồng ý trả lãi 1%/tháng ngoài ra không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật bị đơn người liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật và đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông K buộc anh N trả ông K trả gốc 109.960.000đ và lãi từ 5/7/2016 cho đến nay là 12.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Xét việc anh N, chị Y vắng mặt tại phiên tòa thấy rằng; Qua các chứng cứ do các bên xuất trình được biết sau khi thụ lý tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật và anh N đã có lời khai tại tòa án chi Y đã được triệu tập nhiều lần nhưng chị Y vẫn có tình vắng mặt và anh N, chị Y đã được tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng chị Yến anh N vẫn vắng mặt . Vì vậy hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Y là phù hợp với khoản 2 điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự.

2- Tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu Tòa án buộc anh N trả ông 113.500.000đ gốc và lãi xuất 2%/ tháng nhưng sau đó ông Kh có lời khai và tại phiên tòa ông rút

một phần yêu cầu ông chỉ yêu cầu anh N trả 109.960.000đ gốc và yêu cầu trả tiền lãi từ 5/7/2016 đến nay là 12.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của ông K là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 217, khoản 2 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của ông Kh. Ông Kh không phải chịu án phí phần yêu cầu đã rút.

3-Xét việc ông K yêu cầu anh N thanh toán trả ông 109.960.000đ và lời phản bác của anh N chỉ trả ông K 70.000.000đ gốc và lãi 1%/tháng thấy rằng; Qua các chứng cứ do các bên xuất trình lời khai của anh N và ông K được biết; tháng 5 năm 2013 do anh N không có đủ tiền mua xe ô tô chung với anh H cho nên anh N có vay ông Kh 95.000.000đ anh N thừa nhận có vay ông K nhưng không đưa ra được chứng cứ anh vay ông K 70.000.000đ ông K xác định anh N vay 95.000.000đ và thanh toán tính cả lãi thành 113.500.000đ có viết giấy biên nhận. Như vậy có đủ căn cứ xác định tháng 5/2013 anh N vay ông K 95.000.000đ. Xét ông K yêu cầu anh N trả 109.960.000đ gốc thấy rằng sau khi thanh toán giữa ông K và anh N hai bên có viết giấy biên nhận đề ngày 20/7/2014 anh N cũng thừa nhận giấy đó do anh viết và ký. Như vậy giữa anh N và ông K đã thỏa thuận nhập lãi vào gốc là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa ông K yêu cầu anh N thanh toán trả 109.960.000đ gốc thấy từ khi vay đến khi thanh toán là 24 tháng, lãi suất cho vay theo điều 474 BLDS 2005 quy định không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản. Lãi xuất cơ bản là 9%/ năm vì vậy mức lãi xuất cho vay không vượt quá 1,125%/tháng mà ông K và anh N cho vay theo mức 2%/ tháng cho nên chỉ được chấp nhận là 1,125%/ tháng là phù hợp với điều 474 BLDS 2005 cụ thể như sau; lãi xuất cho vay từ tháng 5/2013 đên tháng 7/2014 là 95.000.000x1,125%/ tháng X 14 tháng = 14.960.500đ cho nên ông K yêu cầu anh N trả 109.960.000đ gốc là có căn cứ phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

4-Xét ông K yêu cầu anh N trả lãi từ 5/7/2016 cho đến nay là 12.000.000đ thấy rằng; sau khi đến hạn anh N không trả được hai bên có thỏa thuận lãi xuất và anh N cũng thừa nhận trả lãi 1%/tháng cụ thể 109.960.000đ X1%/ tháng X 11 tháng = 12.095.600đ nhưng ông K chỉ yêu cầu 12.000.000đ xét là phù hợp với pháp luật cho nên yêu cầu của ông h cần được chấp nhận. 5-Về án phí: yêu cầu của ông K được chấp nhận cho nên ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả ông K tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật,

6 -Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật bị đơn người liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Kh buộc anh N trả ông Kh gốc 109.960.000đ lãi 12.000.000đ là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015, các điều 298, 471, 474**,** 476, 477 Bộ luật dân sự 2005, điều 227, điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự; điều 48 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K buộc anh Hoàng Văn N có nghĩa vụ thanh toán trả anh Nguyễn Văn K số tiền là 121.960.000đ (Một trăn hai mốt triệu chín trăn sau mươi ngàn đồng)trong đó gốc là 109.960.000đ và lãi 12.000.000đ

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi 3.540.000đ của ông Kh nếu có tranh chấp thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí; anh Hoàng Văn N phải chịu 6.098.000đ đ án phí dân sự sơ thẩm.ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. hoàn trả ông K 2.837.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tam ứng án phí số AA/2015/0000414 ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà*
- *Lưu hồ sơ*
- *Đương* sự

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Hà Văn Vinh